

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG LONG TÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG LONG TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG TAM INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LONGTAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 3502458261

3. Ngày thành lập: 12/07/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

509 Võ Thị Sáu, Phường Phước Nguyên, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0908445099

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; - Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
6.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
7.	Xây dựng công trình điện	4221
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
12.	Phá dỡ	4311
13.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
14.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

15.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; - Lắp đặt hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. + Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
19.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
20.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
21.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
22.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
23.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
24.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn mô tô, xe máy; - Bán lẻ mô tô, xe máy; - Đại lý mô tô, xe máy	4541
25.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

26.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; - Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.	4543
27.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa.	4610
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa).	4620
29.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
30.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt - Bán buôn thủy sản.	4632
31.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: - Bán buôn đồ uống có cồn; - Bán buôn đồ uống không có cồn.	4633
32.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Bán buôn hàng may mặc; - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; - Bán buôn giày dép.	4641
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
35.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
36.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).	4659
39.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.	4661
40.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép; - Bán buôn kim loại khác.	4662
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.	4663
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn cao su; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép.	4669
43.	Bán buôn tổng hợp	4690
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4719
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
47.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác.	4741

48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4752
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
50.	Khai thác dầu thô	0610
51.	Khai thác quặng sắt	0710
52.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
53.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
54.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Khai thác đá; - Khai thác cát, sỏi; - Khai thác đất sét.	0810
55.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
56.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
57.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
59.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
60.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: - Chế biến và bảo quản thịt; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm từ thịt.	1010
61.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
62.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật Chi tiết: - Sản xuất dầu, mỡ động vật; - Sản xuất dầu, bơ thực vật.	1040
63.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
64.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
65.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; - Sản xuất đồ uống không cồn.	1104

66.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá Chi tiết: - Sản xuất thuốc lá; - Sản xuất thuốc hút khác.	1200
67.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
68.	Sản xuất giày, dép	1520
69.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ Chi tiết: - Cửa, xẻ và bào gỗ; - Bảo quản gỗ.	1610
70.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
71.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
72.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
73.	In ấn	1811
74.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
75.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
76.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
77.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
78.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
79.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
80.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
81.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
82.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
83.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
84.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
85.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu.	4932
86.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng; - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng).	4933
87.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

89.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hàng hóa đường bộ; - Bốc xếp hàng hóa cảng biển; - Bốc xếp hàng hóa cảng sông.	5224
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics.	5229
91.	Bưu chính	5310
92.	Chuyển phát	5320
93.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
94.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
96.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
97.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
98.	Đại lý du lịch	7911
99.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
100.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
102.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
103.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: - Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh; - Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác.	8710
104.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: - Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công (trừ thương bệnh binh); - Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già.	8730

105.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công, thương bệnh binh, người già và người khuyết tật Chi tiết: - Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người có công (trừ thương bệnh binh); - Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với thương bệnh binh; - Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung đối với người già và người khuyết tật.	8810
106.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 600.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TRUNG KIÊN	509 Võ Thị Sáu, Phường Phước Nguyên, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	588.000	5.880.000.000	98,000	0340740083 80	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	588.000	5.880.000.000	98,000		

2	LÊ MINH QUÍ	Tân Châu, Xã Bàu Chinh, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	1,000	075093000181
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.000	60.000.000	1,000	
3	NGUYỄN ĐÌNH HUY	Tân Châu, Xã Diên Nguyên, Huyện Diên Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	1,000	186655730
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	6.000	60.000.000	1,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 26/06/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034074008380

Ngày cấp: 22/03/2019

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *509 Võ Thị Sáu, Phường Phước Nguyên, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *509 Võ Thị Sáu, Phường Phước Nguyên, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu